

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2024
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Tô

Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Tường Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 106/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2024 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Tuấn A. Sinh năm 1992. NĐKHKT: Tiểu khu a, thị tr H L, huyện M S, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Lò Thị P, sinh năm 1996. NĐKHKT: Tiểu khu a, thị tr H L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 03 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Tuấn Anh trình bày như sau:

Anh và chị Lò Thị P kết hôn với nhau từ năm 2019 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 10/04/2019. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng hay xảy ra cãi vã, chị P không chung thủy với anh. Đến tháng 4/2023 anh chị đã sống ly thân. Nay anh xác

nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lò Thị P.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Quốc Khánh, sinh ngày 05/9/2019. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay cháu Khánh ở với anh và do anh nuôi dưỡng. Anh và chị P đã thỏa thuận sau khi ly hôn anh là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Khánh cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung: Anh xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nên không đề nghị Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Anh xác nhận không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án xem xét.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Tuấn Anh giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Lò Thị P và có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Nguyễn Quốc Khánh và không đề nghị Tòa án xem xét về tài sản, nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 04/4/2024 bị đơn chị Lò Thị P trình bày:

Chị và anh Lê Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2019 có đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 10/04/2019 có được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục.

Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn suốt phát từ bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, nghi ngờ ghen tuông nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Nay anh Tuấn Anh có đơn xin ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn vợ chồng sống xa nhau cũng lâu, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí ly hôn với anh Tuấn Anh.

Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 05/9/2019. Trong thời gian ly thân cháu Kh ở với anh Tuấn A. Hiện nay chị đang đi làm xa cũng không có thời gian, nhà cửa chưa ổn định, không có khả năng chăm sóc cho cháu, nên chị đồng ý với nguyện vọng của anh Tuấn A để cháu Kh cho anh Tuấn A nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có không đề nghị Tòa án xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung tài sản chung, nợ chung của anh Tuấn Anh và chị P. Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải nhưng các đương sự đều đề nghị giải quyết vắng mặt, nên vụ án không thuộc trường hợp tiến hành

hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của của các đương sự, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Lê Tuấn Anh và chị Lò Thị P. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 05/9/2019 cho anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận việc anh Tuấn Anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào đề nghị của kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Tuấn A có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với chị Lò Thị P có nơi đăng ký hộ khẩu tại: Tiểu khu 14, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự. Tuy nhiên các đương sự đều có đơn yêu cầu vắng mặt, nên căn cứ theo Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Tuấn Anh và chị Lò Thị P.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Lê Tuấn A và chị Lò Thị P kết hôn với nhau từ năm 2019. Anh chị đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/04/2019. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị đều cho rằng mâu thuẫn là do nghi ngờ ghen tuông nhau, do đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Đến năm 2023 anh chị đã sống ly thân. Trong thời gian ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Nay cả hai anh chị đều đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị. Qua xác minh tại ban quản lý tiểu khu 14, thị trấn Hát Lót, được biết anh Tuấn Anh và chị P đều cư trú ở tiểu khu 14, thị trấn Hát Lót. Trong thời gian hôn nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng đi làm xa và có ghen tuông nhau. Hiện hai vợ chồng anh chị cũng đã sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng cũng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa anh Lê Tuấn Anh và chị Lò Thị P.

[2.2] Về con chung: Anh Tuấn A và chị P có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 05/9/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều thống nhất trường hợp ly hôn con chung sẽ do anh Tuấn A nuôi dưỡng, anh Tuấn A không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh Tuấn A, chị P đã thống nhất với nhau về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Tại biên bản xác minh ban quản lý tiểu khu 14 thể hiện, từ thời điểm ly thân đến nay cháu Kh ở cùng anh Tuấn A và ông bà nội. Do đó để đảm bảo quyền lợi của cháu cần giao cháu Lê Nguyễn Quốc Khánh cho anh Tuấn Anh trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động). Ghi nhận việc anh Tuấn Anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

[2.3] Về tài sản chung nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Tuấn Anh và chị P đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, do đó tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án.

[2.4] Về án phí: Anh Lê Tuấn Anh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 51; Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Tuấn A và chị Lò Thị P.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 05/9/2019. cho anh Lê Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận việc anh Tuấn A không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn, chị P được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định không ai được cản trở chị P thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Lê Tuấn A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001308 ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- UBND thị trấn Hát Lót ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tráng A Ténh